

Bản án số: **16/2023/DS-ST**
Ngày: 05-5-2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Bà Sử Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-DS ngày 25/11/2022 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Khoa X**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố VP 2, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K 1, xã TT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2022; biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2022; biên bản hòa giải ngày 12/4/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Lưu Thị Khoa X** trình bày:*

Vào năm 2019 bà và ông Lê Văn T, sinh năm 1979 có quen biết qua lại tình cảm với nhau. Đến khoảng giữa năm 2019 thì ông Lê Văn T lợi dụng tình cảm của bà nên hỏi mượn bà số vàng là 20 chỉ vàng 24k loại 98% để mua xe hơi, đến năm 2020 ông T cưới dâu mượn thêm 02 chỉ vàng 24k loại 98% để cho dâu. Tổng cộng là 22 chỉ vàng 24k loại 98%.

Ngày 01/01/2020 ông T tiếp tục hỏi mượn thêm số tiền 40.000.000 đồng và hẹn đến cuối năm 2021 sẽ trả. Khi ông T mượn tiền và vàng thì ông T không có làm biên nhận, cũng không ai chứng kiến. Sau đó giữa bà và ông T xảy ra mâu thuẫn, ông T cố tình lánh mặt bà tuy bà đã điện thoại ông T, nhưng ông T vẫn không trả nợ, những cuộc điện thoại giữa bà với ông T thì bà có ghi âm lại, ông T cũng có thừa nhận là thiếu tiền và vàng của bà.

Bà có yêu cầu nhiều lần nhưng ông T không trả nợ cho bà.

Thông nhất lời trình bày của ông T về thời gian năm 2019 mượn 20.000.000 đồng năm 2020 mượn 30.000.000 đồng và đã trả xong là hoàn toàn đúng như ông T trình bày.

Nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T trả cho bà 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và 40.000.000 đồng tiền vay gốc.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 29/11/2022; biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022; biên bản hòa giải ngày 12/4/2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông **Lê Văn T** trình bày:*

Ông và bà Lưu Thị Khoa X có quan hệ tình cảm với nhau bắt đầu từ năm 2018. Ông nhiều lần mượn tiền, có lần mượn vàng của bà X, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2019 mượn số tiền 20.000.000 đồng, cuối năm gần tết thì trả xong.

Đến giữa năm năm 2020 (khoảng tháng 6) mượn 30.000.000 đồng và cuối năm trả xong.

Năm 2021 có mượn thêm 40.000.000 đồng và cuối năm đã trả xong.

Vào khoảng tháng nào không nhớ, nhưng năm 2020 ông có mượn của bà X 02 chỉ vàng 24k để cho dâu (ông có vợ nhưng đã ly hôn hơn 10 năm), đến đầu năm 2022 đã trả xong.

Đến năm 2022 thì mâu thuẫn và chia tay nên không mượn thêm tài sản gì của bà X. Hiện không còn nợ bà X đồng nào.

Việc mượn cũng như trả nợ thì hai bên không có làm biên nhận, không ai

chứng kiến. Bà X cho rằng năm 2019 ông mượn 20 chỉ vàng 24k loại 98% để mua xe hơi là không có.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì ông không đồng ý, vì không còn nợ.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X xác định, thời điểm cho ông T vay 40.000.000 đồng là năm 2021, do nhầm lẫn nên khi hòa giải trình bày ngày 01/01/2020. Nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T phải trả 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% hiện nay là vàng 975) và 40.000.000 đồng tiền vay gốc. Xin rút lại yêu cầu trả lãi, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết phần này.

- Bị đơn ông Lê Văn T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nêu ra, vì xác định không còn nợ. Lý do trong đoạn ghi âm Tòa án đã phát cho ông và bà X nghe khi hòa giải có đoạn ông thừa nhận có nợ bà X hai cây hai vàng là vì trong lúc nóng giận không để ý nên đã thống nhất; có đoạn thừa nhận nợ bà X 40.000.000 đồng, nhưng sau đó đã trả xong. Thống nhất vàng 24k (loại vàng 98% hiện nay là vàng 975). Đồng ý với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi của nguyên đơn bà X.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X số tiền mượn (vay không lãi) thiếu là 40.000.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%); đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X về việc buộc bị đơn ông T trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho bà số tiền mượn, vàng mượn (vay không có lãi) còn thiếu; bị đơn ông Lê Văn T không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định

là *tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản* và bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp K 1, xã TT, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X với bị đơn ông Lê Văn T có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản với nhau.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Đối với yêu cầu trả lại số tiền 40.000.000 đồng:* Tại phiên tòa hôm nay, giữa nguyên đơn bà X với bị đơn ông T thống nhất xác định, đầu năm 2021 bị đơn ông T có mượn của bà X số tiền 40.000.000 đồng và hẹn đến cuối năm sẽ trả lại số tiền này.

Theo bị đơn ông T, sau khi mượn số tiền này thì đến cuối năm 2021 ông đã trả xong cho nguyên đơn bà X và hiện không còn nợ. Tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn ông T không được nguyên đơn bà X đồng ý và thừa nhận, mà theo bà X sau khi mượn số tiền này không bao lâu thì hai bên xảy ra mâu thuẫn nhiều lần nên bà có liên hệ để gặp ông T đòi lại tiền, nhưng không gặp được do ông T lánh mặt. Bà có ghi âm lại cuộc trò chuyện giữa hai bên (*01 đoạn vào giữa năm 2021 và 01 đoạn cuối năm 2021*) và có cung cấp cho Tòa án; đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2023, sau khi Tòa án phát cho hai bên nghe đoạn hội thoại giữa bà X, ông T thì bản thân ông T thừa nhận, đoạn ghi âm này được ghi vào cuối năm 2021 (thời điểm bà X và ông T đã chia tay nhau), nội dung có đoạn: “*Ừ tao nói tét tao trả mày ba mươi mấy triệu... Qua tét tao kiểm tao trả cho mày nữa mà mày nói hoài vậy*” là lời nói của ông và ông xác định số tiền “ba mươi mấy triệu” là số tiền 40.000.000 đồng mà bà X yêu cầu ông trả, tính đến cuối năm 2021 thì ông nợ bà X số tiền là 40.000.000 đồng.

Theo kết luận giám định số: 1710/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại T phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an xác định mẫu cần giám định là dữ liệu tiếng nói trong 02 file âm thanh “T-210531202.mp3 (thời lượng 02 phút 33 giây; mã MD5 “79D70F69E2EB97B4F845D6C169F34A72”) và T-2106242000.mp3 (thời lượng 06 phút 23 giây; mã MD5 “C16506F7C0B28D40A02B92DB0C105BD5”), được lưu trong USB (nhãn hiệu “Kingston”, dung lượng 2GB), đựng trong bì thư có ghi chữ “Tôi Lưu thị Khoa X giao nộp 12/01/2023” và chữ ký ghi tên Lưu Thị Khoa X.

Và mẫu so sánh là tiếng nói của ông Lê Văn T trong file âm thanh “Quốc-Lộ-63-3.mp3” (thời lượng 06 phút 07 giây), được lưu trong USB (nhãn hiệu “Kingston”, dung lượng 2GB). Kết quả **không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định; tiếng nói của người nam trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của đương sự Lê Văn T trong mẫu so sánh là cùng một người nói ra.**

Như vậy, lời trình bày của bị đơn ông T về việc đã trả cho nguyên đơn bà X số tiền 40.000.000 đồng là không có căn cứ để xem xét. Bởi, ông T xác định đã trả xong, nhưng không được bà X thừa nhận và ông T cũng không giấy tờ chứng minh, bà X không viết biên nhận cho ông, cũng không ai chứng kiến. Như vậy, bị đơn ông Lê Văn T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà X buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X số tiền mượn gốc (vay không có lãi) còn thiếu là 40.000.000 đồng. Vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] *Đối với yêu cầu trả lại 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975):* Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, giữa hai bên đương sự thống nhất xác định vào năm 2020 bị đơn ông T có mượn của nguyên đơn bà X 02 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975); ngoài ra theo nguyên đơn bà X xác định, năm 2019 bị đơn ông T có mượn của bà 20 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975), tổng cộng 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975). Nhưng bị đơn ông T không thừa nhận có mượn của bà X 20 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975), đồng thời theo ông cho rằng đối với 02 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975) ông đã trả xong vào đầu năm 2022 nên không còn nợ.

Do bị đơn ông T không thừa nhận còn nợ vàng của nguyên đơn bà X nên bà X có cung cấp, giao nộp cho Tòa án USB chứa đựng nội dung cuộc nói chuyện giữa bà X và ông T. Tại đoạn ghi âm Tòa án đã phát cho các đương nghe và xác định đó là lời nói của bà X, ông T được ghi khoảng giữa năm 2021, có đoạn bà X đòi hai cây hai vàng và đã được ông T đồng ý; có đoạn ông T nói **“...đừng có cự lộn rồi đòi vàng; ...cự lộn xong đòi hai cây hai vàng...”**.

Như đã phân tích tại mục [2.1] về kết quả giám định, đồng thời bị đơn ông T vẫn thừa nhận lời nói trong đoạn ghi âm là của ông và nhiều lần trong đoạn

ghi âm ông T đều nhắc đến hai cây hai vàng (bao gồm 02 chỉ vàng 24k mượn để cưới vợ cho con) còn nợ đối với nguyên đơn bà X.

Nguyên đơn bà X có đơn yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà đối với 22 chỉ vàng 24k nên bà đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là USB để Tòa án trưng cầu cơ quan chuyên môn tiến hành giám định để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời cũng phù hợp theo quy định tại Điều 94, Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Lời trình bày của ông T không được bà X thừa nhận và bị đơn ông T cũng xác định việc ông trả 02 chỉ vàng 24k cho bà X thì bà X không viết biên nhận cho ông cũng không ai chứng kiến. Vì vậy ông T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, có cơ sở để khẳng định bị đơn ông T có mượn của nguyên đơn bà X 22 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà X buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X số vàng mượn gốc (vay không có lãi) còn thiếu là 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975). Vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] *Đối với yêu cầu trả lãi:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà X xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông T phải trả lãi đối với số tiền vay gốc 40.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/8/2022 là 30 tháng với số tiền 20.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/9/2022 đến khi xét xử xong vụ kiện, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Đồng thời, bị đơn ông T cũng đồng ý với việc rút lại yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Như vậy, xác định được nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn bà X đối với bị đơn ông T theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu án phí có giá ngạch là **7.500.000 đồng** [$\{22 \text{ chỉ vàng } 24k (975) \times 5.000.000\text{đ/chỉ} + 40.000.000\text{đ}\} \times 5\%$] tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Văn T phải trả cho bà Lưu Thị Khoa X số tiền 40.000.000 đồng và 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 98% nay là vàng 975) mượn gốc (vay không có lãi) còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lưu Thị Khoa X, nếu ông Lê Văn T không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà X thì hàng tháng ông T còn phải trả tiền lãi cho bà X theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Khoa X buộc ông Lê Văn T phải số tiền lãi là 20.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/8/2022 và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/9/2022 đến khi xét xử xong vụ kiện.

4. Về án phí:

- Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu **7.500.000 đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Lưu Thị Khoa X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Khoa X 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002617 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/5/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã TT;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh